

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2022/HS-ST.**

Ngày 23/02/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYỀN QUANG.

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Bốn

2. Bà Dương Thị Ninh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Khôi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2022/TLST-HS, ngày 17 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HS, ngày 09 tháng 02 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Văn T**, sinh ngày 15/5/1980;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn Khánh Hòa, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang;

Dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; con ông Vũ Văn S, sinh năm 1947 (đã chết) và bà Đinh Thị N, sinh năm 1954; anh, chị, em ruột: Có 08 người, bị cáo là thứ 04; vợ: Đào Thị S, sinh năm 1989; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2010 nhỏ sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa).

** Những người bị hại:*

- Ông Lưu Văn C, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn Khuân Thắng, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Hà Văn P, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn Khuân Thắng, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Ông C có mặt; ông P vắng mặt)

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Tân Bình 1, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* *Người làm chứng:* Bà Lương Thị N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn Bình Ca, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang

(*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/10/2021, Lưu Văn T, sinh năm 2004; trú tại thôn Khuân Thắng, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, đi chăn 07 con trâu tại đồi keo của gia đình; đàn trâu T chăn là của gia đình ông Lưu Văn C, sinh năm 1971 (Ông C là bố đẻ T). Khoảng 11 giờ cùng ngày T đuổi 07 con trâu về nhà, đến cách nhà 100m, 01 con trâu (đặc điểm trâu đực, màu lông đen, khoảng 4,5 tuổi, trọng lượng 500kg) tách đàn không về nhà. Do sợ trâu phá cây của người khác, T đuổi 06 con trâu về nhà trước rồi quay lại đuổi con trâu tách đàn.

Cũng trong thời gian đó, Vũ Văn T, sinh năm 1980; trú tại thôn Khánh Hòa, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22K9 – 3035 của gia đình đi đến nhà Đặng Văn Đ, sinh năm 1990; trú tại thôn 700, xã H, huyện H để đòi nợ. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, T đi đến thôn Thanh Vân, xã H, huyện H, T phát hiện 01 con trâu, là con trâu tách đàn của nhà ông Lưu Văn C và 01 con chó màu lông đen, có trọng lượng 4,5kg của gia đình ông Hà Văn P, sinh năm 1980; trú tại thôn Khuân Thắng, xã H, huyện H ở bên đường. Khi T đi đến con chó chạy vào bụi cỏ ven đường, quan sát thấy đoạn đường vắng không có nhà và không có người, T nảy sinh ý định trộm cắp con chó. T dừng xe mô tô đi đến gần chỗ con chó dùng tay trái bế giữ trước ngực sau đó tiếp tục lên xe điều khiển xe đến nhà Đ. Đến nơi, không thấy Đ ở nhà, T hỏi bà Đặng Thị T, sinh năm 1968 (mẹ đẻ của Đ) xin 01 bảo tải, sau đó T cho con chó vừa trộm cắp được vào bao tải đặt ở sau xe rồi điều khiển xe chở con chó về nhà. Khoảng 12 giờ cùng ngày khi đang đi từ nhà Đ về nhà, T đi đến vị trí lúc trước trộm cắp con chó, T thấy con trâu vẫn ở đó, quan sát không thấy có người, T nảy sinh ý định trộm cắp con trâu. T dừng xe, xuống đuổi con trâu một đoạn không thấy có người, T cầm một đoạn dây chạc đang buộc trâu rồi buộc vào đuôi xe, sau đó nổ máy và điều khiển xe đi chậm dần theo con trâu về. Khi đi đến thôn Cây Nhãn, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, T điện thoại cho Bàn Văn À, sinh năm 1985, trú tại thôn Cây Nhãn, xã T, huyện Y hỏi thuê xe công nông để chở trâu, À đồng ý. Khoảng 30 phút sau khi T điện thoại, À điều khiển xe công nông đến, T dắt trâu lên thùng xe công nông sau đó T điều khiển xe mô tô dẫn đường cho À chở trâu về nhà bà Đinh Thị N, sinh năm 1954 (mẹ đẻ của T), trú tại thôn Hồng Quân, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Đến nơi, T dắt trâu xuống buộc ở góc sân nhà bà N và trả cho À 200.000 đồng tiền công chở trâu. T gọi điện thoại cho Lương Thị N, sinh năm 1985 (em dâu T), trú tại thôn Bình Ca 1, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nhờ tìm người mua trâu, N đồng ý.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, N đưa Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986, trú tại thôn Tân Bình 1, xã B, huyện H và Hoàng Văn Học, sinh năm 1983, trú tại thôn Làng Mòi,

xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang đến nhà bà N để mua trâu của T (H là người đi cùng Q không tham gia giao dịch mua bán); T thỏa thuận bán con trâu trộm cắp được cho Quang với giá 37.500.000 đồng. Sau khi mua được trâu, Q đưa cho N 500.000 đồng, là tiền công dắt mỗi mua trâu. Sau đó Q và H đưa trâu về nhà Quang.

Sau khi đuổi được 06 con trâu về nhà, Lưu Văn T quay lại để đuổi con trâu tách đàn nhưng không thấy trâu, T đã báo gia đình cùng đến tìm nhưng vẫn không thấy. Nghi có người trộm cắp trâu, T đã đến trình báo Công an xã H. Tin báo của T đã được cơ quan Công an xử lý theo quy định của pháp luật và xác định được đối tượng trộm cắp trâu của gia đình ông Lưu Văn C là Vũ Văn T.

Ngày 25/10/2021, Nguyễn Văn Q đã giao lại con trâu trên cho Cơ quan điều tra, cùng ngày Vũ Văn T trả lại cho Quang số tiền đã nhận của Quang 37.500.000 đồng, Lương Thị N trả cho Quang số tiền 500.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS ngày 29/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, kết luận: 01 con trâu màu đen, giống đực, khoảng 4, 5 tuổi, trọng lượng 500kg, tại thời điểm định giá có giá trị là 45.000.000đ (*Bốn mươi lăm triệu đồng*).

Tại Kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTS ngày 05/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, kết luận: 01 con chó ta, màu lông đen, giống cái, trọng lượng 4,5kg, tại thời điểm định giá có giá trị là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Tổng giá trị tài sản bị cáo Vũ Văn T trộm cắp được là 45.300.000đ (*Bốn mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng*).

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKSTP, ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố Vũ Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Vũ Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo; ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo từ 03 năm đến 04 năm. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật, tỏ ra ăn năn hối cải và đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người bị hại, ông Lưu Văn C có mặt tại phiên tòa, xác nhận ông đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, bị cáo đã bồi thường cho ông số tiền 3.000.000 đồng, là tiền ông bỏ ra cho việc đi tìm tài sản bị trộm cắp; Ông C có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ông Hà Văn P vắng mặt tại phiên tòa, ông P đã nhận lại con chó là tài sản bị trộm cắp, ông P không yêu cầu bị cáo bồi thường và cũng không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên tòa, ông Quang đã giao nộp con trâu cho Cơ quan điều tra và nhận lại số tiền ông đưa cho bị cáo và bà Lương Thị N, ông Quang không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; căn cứ biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, vật chứng thu giữ được, kết luận định giá tài sản, lời khai của những người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các tài liệu, chứng cứ hoàn toàn phù hợp và đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 11 giờ 30 phút đến 12 giờ ngày 24/10/2021 tại thôn Thanh Vân, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; Vũ Văn T, sinh năm 1980, trú tại thôn Khánh Hòa, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang có hành vi trộm cắp 01 con chó trị giá 300.000 đồng của gia đình ông Hà Văn P, sinh năm 1980, trú tại thôn Khuân Thắng, xã H, huyện H và 01 con trâu trị giá 45.000.000 đồng của gia đình ông Lưu Văn C, sinh năm 1971, trú tại thôn Khuân Thắng, xã H, huyện H. Tổng giá trị tài sản là 45.300.000đ (*Bốn mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng*). Hành vi lợi dụng sơ hở của người khác, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của họ mà bị cáo thực hiện đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng là hoàn toàn đúng người, đúng tội, có căn cứ, không oan.

Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng và gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân về tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vụ án xảy ra, những người bị hại cũng có một phần lỗi khi sơ hở trong việc quản lý, trông giữ tài sản của mình. Tuy nhiên, bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, không phải là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế khó khăn và điều kiện lạc hậu, bị cáo đã học hết lớp 4, có hiểu biết nhất định. Nên

bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là hành vi trái với các quy định của pháp luật. Nhưng vì vụ lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội; thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp, xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện; bị cáo phạm tội lần này là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; những người bị hại đều đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, đối với số tiền công đi tìm tài sản bị mất theo yêu cầu của ông Lưu Văn C, bị cáo cũng đã bồi thường xong; người bị hại, ông Lưu Văn C có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội, tạo điều kiện cho họ có động lực cải tạo tốt.

Xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật lần nào, phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Nên cho bị cáo hưởng án treo, cải tạo tại địa phương; giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách của án treo bị cáo có nghĩa vụ chấp hành những quy định của pháp luật nói chung và Luật thi hành án hình sự nói riêng.

Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định, bị cáo không coi trộm cắp tài sản của người khác là nguồn thu nhập chính. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về phân trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp; ông Lưu Văn C đã nhận số tiền 3.000.000 đồng bị cáo bồi thường đối với khoản tiền công đi tìm tài sản mà Ông C yêu cầu; những người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường T khoản tiền nào khác. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn Q đã nhận lại số tiền trả cho bị cáo để mua trâu, không có yêu cầu gì đối với bị cáo. Nên Hội đồng xét xử không xem xét về phân trách nhiệm bồi thường dân sự đối với bị cáo.

[7] Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tạm giữ: 01 con trâu màu đen, giống đực, khoảng 4, 5 tuổi, trọng lượng 500kg do ông Nguyễn Văn Q giao nộp; 01 con chó ta, màu lông đen, trọng lượng 4,5kg do bị cáo Vũ Văn T giao nộp.

Ngày 25/10/2021 Cơ quan điều tra đã trả lại 01 con trâu cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Lưu Văn C.

Ngày 31/10/2021 Cơ quan điều tra đã trả lại 01 con chó ta cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Hà Văn P.

Việc trả lại tài sản bị trộm cắp cho các chủ sở hữu của Cơ quan điều tra là phù hợp với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Đối với các ông Bàn Văn À, là người bị cáo T thuê dùng xe công nông chở con trâu bị cáo trộm cắp được; bà Đinh Thị N là chủ nhà nơi bị cáo T thuê con trâu; bà Lương Thị N là người tìm người mua trâu cho T; ông Nguyễn Văn Q là người mua con trâu do bị cáo trộm cắp được. Những người này đều không biết con trâu do T trộm cắp mà có, nên không có căn cứ xử lý.

[9] Theo danh sách những người cần triệu tập tham gia tố tụng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân huyện H, đều xác định bà Lương Thị N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa, việc giải quyết vụ án không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của bà N, do đó xác định lại bà N không phải là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án mà chỉ là người làm chứng, có biết và được chứng kiến một phần quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn T phạm tội *Trộm cắp tài sản*.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn T **01 (Một)** năm **06 (Sáu)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (Ba) năm; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 23/02/2022.

Giao bị cáo Vũ Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”

(Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, 92 của Luật thi hành án hình sự)

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Văn T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Vũ Văn T, ông Lưu Văn C, có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Hà Văn P, ông Nguyễn Văn Q, vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Bốn – Dương Thị Ninh

Lương Thanh Huyền

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND h.Hàm Yên;
- Công an h.Hàm Yên;
- Chi cục THADS h.Hàm Yên;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã T, h.Hàm Yên;
- Bị cáo;
- Những người bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

